TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 42/2024/DS-GĐT
Ngày: 14-6-2024
V/v: Tranh chấp phân chia quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào và ông Lê Tự.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Thế Trường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14-6-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự: *"Tranh chấp phân chia quyền sử dụng đất",* giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông **Trần Viết Đ**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: nhà số A T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

1.2. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: nhà số A T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: tổ E, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Lê Võ Thanh H** - Văn phòng L2 - Chi nhánh Đ2; địa chỉ: số B, đường B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:*

Ông **Phạm Viết H1**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: nhà số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông **Huỳnh Văn H2**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: tổ C, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư **Nguyễn Hữu T** - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hà Thị V, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: nhà số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: ông Phạm Viết H1, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: nhà số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (là bị đơn).

3.2. Bà Võ Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.3. Ông Võ Tú S, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.4. Bà Võ Đoan T1, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.5. Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.6. Bà Võ Thị Mỹ N, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.7. Ông Võ Thành P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.8. Bà Võ Thị Mỹ P1, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.9. Ông Võ Thành S1, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.10. Bà Võ Thị Mỹ L1, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: K159/67 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.11. Phòng Công chứng số 3 thành phố Đ; địa chỉ: Lô S, Khu B, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn là ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M trình bày:

Tháng 5-2001, ông bà có chung tiền (thỏa thuận miệng) với ông Phạm Viết H1 mua một thửa đất có diện tích khoảng 150 m^2, thuộc phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng của cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 (đều đã chết) với giá 20.000.000 đồng. Do quen biết và tin tưởng nhau, nên ông bà giao cho ông H1 toàn quyền giao dịch làm thủ tục và lô đất sẽ được chia 50/50, mỗi bên một nửa. Đến tháng 10-2001, ông nhờ cụ K, cụ K1 xác nhận nội dung nhận tiền mua bán đất, trong đó vợ chồng ông bà góp 13.000.000 đồng và ông H1 góp 7.000.000 đồng, có xác nhận của bà Võ Thị Mỹ P1 (là con của hai cụ).

Khi nhận đất, ông bà và ông Phạm Viết H1 đã tự phân chia thửa đất với nhau, ông bà có dựng một kho vật liệu tạm trên đất, sau đó do chuyển hướng kinh doanh nên ông bà đã tháo dỡ kho tạm này đi.

Sau khi phát hiện ông Phạm Viết H1 có ý định tự ý bán lô đất trên, ông bà đã nhiều lần liên hệ ông H1 để yêu cầu tách thửa, nhưng ông H1 tránh né. Qua tìm hiểu, ông bà được biết: Ngày 09-10-2008, cụ K và cụ K1 đã lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con trai là ông Võ Thành S1, sau đó ông S1 chuyển nhượng cho ông H1, nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858 ngày 23-3-2015 đứng tên ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V.

Vì vậy, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584858 ngày 23-3-2015 đứng tên ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V là tài sản chung giữa ông bà với ông H1, bà V. Ông bà đề nghị ông H1 phải trả lại cho ông bà diện tích 66,64 m^2, chiều dài 13,6 m, rộng 4,9 m thuộc thửa đất nêu trên và hoàn trả cho ông bà khoản tiền chênh lệch theo tỷ lệ góp 65/35.

Ông bà tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá.

- Bị đơn là ông Phạm Viết H1 trình bày:

Ông không chấp nhận toàn bộ lời trình bày của ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M, ông xác định Giấy xác nhận nhận tiền bán đất do ông Đ, bà M cung cấp là giả, bởi vì:

Tháng 3-2001, ông có đặt cọc cho cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 10.000.000 đồng để riêng ông nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, diện tích 10 m x 15 m = 150 m^2, giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền cọc này, cụ K, cụ K1 đã cho ngay con gái là bà Võ Thị Mỹ P1 để mua xe máy. Số tiền còn lại, sau khi cụ K ký giấy ở Ủy ban nhân dân phường cho ông, thì ông đã giao tiếp 10.000.000 đồng (có bà P1 chứng kiến). Cụ K, cụ K1 là người làm đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho riêng ông, có chữ ký của cụ K, cụ K1 và xác nhận của chính quyền địa phương. Sau đó, hai cụ còn làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bàn giao thửa đất cho ông và ông đã sử dụng một phần thửa đất để xây dựng nhà ở, việc mua bán không liên quan gì đến vợ chồng ông Đ, bà M.

Để hợp thức hóa thủ tục chuyển nhượng, thì đến năm 2008, cụ K và cụ K1 đã tặng cho lại toàn bộ thửa đất cho con trai là ông Võ Thành S1 đứng tên. Sau đó, năm 2015, ông Võ Thành S1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho vợ chồng ông và thửa đất này được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858 ngày 23-3-2015.

Sau này, ông đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất hoa màu lên đất ở khoảng 54 m^2 thuộc phần diện tích đất do ông Đ, bà M đang tranh chấp với ông.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành P trình bày:

Trước đây, ông có giới thiệu cho ông Phạm Viết H1 mua đất của gia đình ông tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, diện tích 150 m^2 với giá 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất, gia đình ông gồm có: cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1, ông Võ Thành T2, bà Võ Thị Mỹ P1 và ông; bên mua có ông Phạm Viết H1 và ông Trần Viết Đ.

Sau khi hai bên thỏa thuận giá cả và diện tích xong, ông Trần Viết Đ là người trực tiếp giao tiền cho gia đình ông. Bà Võ Thị Mỹ P1 là người viết Giấy nhận tiền từ ông Đ, còn cụ K và cụ K1 ký nhận. Sau này, ông Võ Thành S1 tự làm thủ tục sang tên chuyển nhượng nhà đất và làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Phạm Viết H1, ông không biết gì. Nay, ông xác nhận ông Trần Viết Đ là người mua đất và trả tiền cho gia đình ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ P1 trình bày:

Năm 2001, cha mẹ bà là cụ Võ Văn K và cụ Đoàn Thị K1 có bán cho ông Phạm Viết H1 một thửa đất tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, diện tích

150 m^2 với giá 20.000.000 đồng. Tại thời điểm bán đất chỉ có cụ K, cụ K1, ông H1 và bà, bà không biết ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M là ai. Ông H1 giao tiền cho cụ K, cụ K1 làm 02 lần, lần đầu 10.000.000 đồng, hai cụ đưa cho bà để mua xe máy, lần 2 đưa sau khi ký giấy tờ ở Ủy ban nhân dân phường.

Tại thời điểm cụ Võ Văn K và cụ Đoàn Thị K1 bán đất cho ông H1 thì lô đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà đã mang giấy tờ nhân thân của hai cụ đến Ủy ban nhân dân phường để làm Đơn xin chuyển nhượng đất. Ngày 28-3-2001, cụ K và cụ K1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Ủy ban nhân dân phường mới xác nhận vào Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hai cụ. Ngày 18-5-2001, cụ K cụ K1 và ông H1 ký Sơ đồ vị trí khu đất xin chuyển nhượng và ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Bà P1 khẳng định Giấy xác nhận nhận tiền mua đất ngày 08-10-2001, do ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M đưa ra là do bà viết ra. Tuy nhiên, Giấy xác nhận này được viết sau vài năm theo yêu cầu của cụ K, cụ K1 chứ không phải sự thật. Hơn nữa, cụ K1 cũng không viết và ký được, cụ K1 chỉ lăn tay trong các giao dịch. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành S1 trình bày:

Sau khi ông đi bộ đội về, cha mẹ ông là cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 cho ông một mảnh đất thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22 tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, diện tích 444,1 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3403030110, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28-3-2001. Do cụ K, cụ K1 đã chuyển nhượng một phần nhà đất này cho một số người, nên sau khi nhận tài sản ông đã ký Giấy tờ quyền sử dụng đất để họ thực hiện việc tách sổ.

Đối với trường hợp của ông Phạm Viết H1: Ngày 28-02-2015, ông có đến Văn phòng C ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển nhượng 133,5 m^2 đất cho ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V do ông H1 đang quản lý nhà đất này. Ông không nhận tiền chuyển nhượng trực tiếp từ ông H1, ông chỉ biết ông H1 chứ ông không biết ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M.

Đối với Giấy xác nhận tiền bán đất ngày 08-10-2001, thì ông không biết. Ông chỉ biết chữ viết trên giấy là của chị ông là bà Võ Thị Mỹ P1, chữ ký Võ Văn K là của cha ông. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị V trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông Phạm Viết H1, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 03 trình bày:

Qua kiểm tra hệ thống UCHI về hồ sơ công chứng, Phòng Công chứng số 03 thành phố Đà Nẵng không thực hiện chứng nhận giao dịch nào của ông Phạm Viết H1, sinh năm 1974, cũng như không thực hiện chứng nhận giao dịch nào đối với tài sản tranh chấp là thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, địa chỉ tổ D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858 cấp ngày 23-3-2015. Do đó, Phòng C đề nghị Tòa án không đưa Phòng C tham gia tố tụng trọng vụ án này.

(Bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Mỹ N, bà Võ Thị Mỹ L1, Ngân hàng TMCP S2, bà Võ Thị L1, ông Võ Tú S, bà Võ Đoan T1 vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ vụ án).

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 14-4-2023, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà quyết định:

Căn cứ các Điều 214, 215, 216 và 224 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 31-8-2018 sửa đổi bổ sung một số điều của quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 26-11-2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M đối với ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V về việc "Tranh chấp phân chia quyền sử dụng đất".

1. Công nhận diện tích đất 133,5 m^2, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Tổ D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858 ngày 23-3-2015 đứng tên ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V là tài sản chung hợp nhất theo phần của ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V với ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M chưa phân chia.

2. Nay phân chia như sau:

Giao cho ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V diện tích đất 133,5 m^2, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22 và tài sản gắn liền với đất tại Tổ D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BV 584858 ngày 23-3-2015 đứng tên ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V toàn quyền sử dụng.

Tạm giao diện tích 18,7 m^2 nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng nằm trong khuôn viên đất ông H1, bà V tiếp tục quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản quyền sử dụng đất ông H1, bà V1 được nhận là 2.226.221.134 đồng.

Ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V có nghĩa vụ thối trả lại ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M số tiền chênh lệch phân chia tài sản là 3.138.167.134 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu cho ông Đ và bà M nhận tại toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất để ông Đ, bà M thối trả lại số tiền chênh lệch theo tỷ lệ chung tiền 65/35 của ông Đ và bà M.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-PT ngày 28-4-2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia quyền sử dụng đất bằng hiện vật.

- Ngày 20-4-2023, bị đơn là ông Phạm Viết H1 kháng cáo, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 20-4-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị V, bà Võ Thị Mỹ P1 kháng cáo, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 26-4-2023, nguyên đơn là ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng được nhận quyền sử dụng đất bằng hiện vật.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 152/2023/DS-PT ngày 30-9-2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 214, 215, 216 và 224 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN-PT ngày 28-4-2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Phạm Viết H1.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị V và bà Võ Thị Mỹ P1.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 14-4-2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận diện tích đất 133,5 m^2, thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22 tại Tổ D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584858 ngày 23-3-2015, do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V, có giá trị 5.364.388.314 đồng là tài sản chung theo phần giữa ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M với ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V. Trong đó, ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M được hưởng 65% giá trị quyền sử dụng đất, ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V được hưởng 35% giá trị quyền sử dụng đất.

2. Sau khi trích trừ công sức cho ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V số tiền 536.438.831 đồng, giá trị quyền sử dụng đất còn lại là 4.827.949.483 đồng. Ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M được nhận số tiền là 3.138.167.164 đồng; ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V được nhận số tiền là 1.689.782.319 đồng.

3. Giao cho ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V nhận lô đất phía Đông của thửa đất số 144 (ký hiệu là thửa B), có tứ cận: Phía Đông: Giáp nhà đất ông Võ Văn H3; phía Tây: Giáp phần đất ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M được nhận; phía Nam: Giáp đường kiệt bê tông; phía Bắc: Giáp nhà đất ông Huỳnh H4.

Vị trí lô đất được xác định như sau:

- Lấy điểm tiếp giáp của chiều dài phía Đông với chiều rộng phía Bắc của thửa đất số 144 làm điểm mốc (ký hiệu là A).

- Từ điểm A, kéo một đường thẳng trên ranh giới giữa thửa đất số 144 với nhà đất ông Huỳnh H4, theo hướng Đ1 - T, đến độ dài 4,81 m là điểm B.

- Từ điểm A, kéo dài một đường thẳng theo hướng Bắc - Nam, theo chiều dài của bức tường phía Đông của ngôi nhà cấp 4, đến hết chiều dài ranh giới giữa thửa đất số 144 với nhà đất ông Võ Vân H5 là điểm D.

- Từ điểm D, kéo theo hướng Đông - Tây, có chiều dài 5 m, đến gặp điểm C.

- Nối các điểm: A-B-C-D là tứ giác có diện tích: 65,3 m^2, có tứ cận: Phía Đông giáp: Nhà đất ông Võ Văn H3; phía Tây giáp: Phần đất ông Đ, bà M được nhận; phía Nam giáp: Đường kiệt bê tông; phía Bắc giáp: Nhà đất ông Huỳnh H4.

Lô đất giao cho ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V nhận có giá trị là 2.623.929.265 đồng.

4. Giao cho ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M nhận lô đất phía Tây của thửa đất số 144 (ký hiệu là thửa A), có tứ cận: Phía Đông: Giáp nhà đất ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V nhận; phía Tây: G kiệt ra đường P; phía Nam: Giáp đường kiệt bê tông; phía Bắc: Giáp nhà đất ông Huỳnh H4.

Vị trí thửa đất được xác định như sau:

- Từ điểm B, kéo một đường thẳng trên ranh giới giữa thửa đất số 144 với nhà đất ông Huỳnh H4, theo hướng Đ1 - T, đến độ dài 4,81 m là điểm E.

- Từ điểm E, kéo dài một đường thẳng theo hướng Bắc - Nam, đến hết chiều dài thửa đất số 144: 14,25 m, giáp đường kiệt bê tông là điểm G.

- Từ điểm G, kéo dài một đường thẳng 4,99 m, theo hướng Tây - Đông, đến gặp điểm C.

- Nối các điểm: B-E-G-C là tứ giác có diện tích: 68,2 m^2, có tứ cận: Phía Đông giáp: Nhà đất ông H1, bà V nhận; phía Tây giáp: K2 ra đường P; phía Nam giáp: Đường kiệt bê tông; phía Bắc giáp: Nhà đất ông Huỳnh H4.

Lô đất giao cho ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M nhận có giá trị là 2.740.459.049 đồng.

(Diện tích đất giao cho ông Đ, bà M và giao cho ông H1, bà V có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V tháo dỡ bức tường phía Tây và vật kiến trúc khác của nhà cấp 4, giao trả chiều rộng phía Nam: 4,99 m và chiều rộng phía Bắc: 4,81 m của lô đất ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M được nhận cho ông Đ, bà Trần Thị M quản lý, sử dụng.

6. Buộc ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V tháo dỡ phần nhà tạm và các vật kiến trúc, giao trả toàn bộ diện tích thửa đất cho ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M nhận.

7. Buộc ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V phải thực hiện các thủ tục để tách thửa đối với diện tích đất giao cho ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M.

Trong trường hợp ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V không thực hiện các thủ tục để tách thửa, thì ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M được quyền liên hệ với

các cơ quan thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất được giao.

8. Buộc ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V phải thối trả chênh lệch giá trị tài sản cho ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M số tiền 397.708.115 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Phạm Viết H1, bà Hà Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng; quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 01-11-2023, bị đơn là ông Phạm Viết H1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2024/KN-DS ngày 26-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, quyết định:

1. Kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 152/2023/DS-PT ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giải quyết vụ án "Tranh chấp phân chia quyền sử dụng đất", giữa nguyên đơn là ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M với bị đơn là ông Phạm Viết H1 và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, sửa bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M.

3. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 152/2023/DS-PT ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cho đến khi có quyết định giám đốc thẩm (nếu có).

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2024/KN-DS ngày 26-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về nguồn gốc thửa đất và quá trình chuyển nhượng thửa đất:

Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, diện tích 133,5 m^2, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858 ngày 23-3-2015 cho ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V được tách từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22, diện tích 444,1 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3403030110, do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 28-3-2001 cho cụ Võ Văn K và cụ Đoàn Thị K1. Nguồn gốc thửa đất là do cụ K và cụ K1 khai phá rồi quản lý, sử dụng từ năm 1974; ngày 09-10-2008, cụ K và cụ K1 tặng cho toàn bộ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22 cho con là ông Võ Thành S1, sau đó ông S1 tách thửa và chuyển nhượng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22 cho ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V.

[2]. Về chứng cứ chuyển nhượng thửa đất:

Ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M cho rằng vào năm 2001, ông bà có chung tiền với ông Phạm Viết H1 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà M cung cấp Giấy xác nhận đề ngày 08-10-2001, có nội dung*: "Gia đình tôi có bán cho vợ chồng chú Đ và chú H1 một mảnh đất cạnh nhà, tổng giá trị lô đất là 20.000.000 đồng, trong đó vợ chồng chú Đ đưa 13.000.000 đồng, chú H1 đưa 7.000.000 đồng…".* Ngoài Giấy xác nhận nêu trên, ông Đ và bà M không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh về việc nhận chuyển nhượng đất chung với ông Phạm Viết H1. Xem xét nội dung tại Giấy xác nhận đề ngày 08-10-2001, thì không đủ cơ sở để chứng minh giữa ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M với ông Phạm Viết H1 cùng chung nhau nhận chuyển nhượng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng của cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1, bởi lẽ, Giấy xác nhận này chỉ có chữ ký của cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 và bà Võ Thị Mỹ P1, mà không có chữ ký xác nhận của ông Phạm Viết H1.

Tại Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05-3-2001, giữa cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 với ông Phạm Viết H1, có nội dung*: "Ông Võ Văn K và bà Đoàn Thị K1 kính đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Viết H1 đối với khu đất có: Vị trí Đông giáp đất nhà ông Võ Văn H6, Tây giáp đường rộng, Nam giáp đường K, Bắc giáp nhà ông Võ Văn K; thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22, diện tích 10 x 15 = 150 m^2, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng …".* Đơn xin chuyển nhượng này được Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 18-5-2001. Sau khi ký Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ K và cụ K1 tặng cho thửa đất đã chuyển nhượng cho con trai là ông Võ Thành

S1, sau đó ông S1 tiến hành thủ tục tách thửa và chuyển nhượng (hợp thức hóa hồ sơ) cho ông Phạm Viết H1 đối với phần đất mà ông H1 đã nhận chuyển nhượng của cụ K, cụ K1 từ năm 2001 và ngày 23-3-2015, ông Phạm Viết H1 và bà Hà Thị V được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 584858.

[3]. Về việc thanh toán tiền nhận chuyển nhượng thửa đất:

Ông Phạm Viết H1 khẳng định, tháng 3-2001, ông đặt cọc cho cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 10.000.000 đồng để riêng ông nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 104, tờ bản đồ số 22, có diện tích 150 m^2, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, với giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền cọc, cụ K và cụ K1 đã cho ngay con gái là bà Võ Thị Mỹ P1 để mua xe máy; cụ K ký xong giấy tại Ủy ban nhân dân phường cho ông, thì ông đã giao tiếp số tiền còn lại là 10.000.000 đồng (có bà P1 chứng kiến).

Tại Đơn khởi kiện, ông Trần Viết Đ khai khi mua bán đất, bên nhận tiền có viết Giấy nhận tiền và cũng tại Đơn khởi kiện này, ông Đ khai sau đó mấy năm, thấy ông Phạm Viết H1 có ý định bán đất, nên cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 và bà Võ Thị Mỹ P1 gọi ông qua để viết Giấy xác nhận nhận tiền. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Viết Đ khi thì cho rằng đã giao toàn bộ số tiền mua chung đất cho ông Phạm Viết H1 thực hiện việc nhận chuyển nhượng, khi thì khai ông trực tiếp đưa tiền cho cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 nên hai cụ mới viết Giấy nhận tiền.

Trong khi đó, các con của cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 có lời khai khác nhau về việc giao nhận tiền, cụ thể:

- Bà Võ Thị Mỹ P1 khẳng định, năm 2001, cha mẹ bà là cụ Võ Văn K và cụ Đoàn Thị K1 có chuyển nhượng cho ông Phạm Viết H1 một thửa đất có diện tích 150 m^2 tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng với giá 20.000.000 đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng chỉ có cụ K, cụ K1, ông H1 và bà; bà không biết ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M là ai. Ông H1 giao tiền cho cụ K, cụ K1 làm 02 lần, lần đầu 10.000.000 đồng thì cụ K, cụ K1 đưa cho bà để mua xe máy, lần 2 đưa sau khi ký giấy tờ ở Ủy ban nhân dân phường; đồng thời, bà P1 khẳng định thửa đất là do ông H1 nhận chuyển nhượng lại của bố mẹ bà, nhưng sau đó mấy năm ông Trần Viết Đ mới qua nhờ viết giấy và viết lùi ngày nhận tiền thành ngày 08-10-2001, việc viết giấy là theo yêu cầu của ông Đ và cha mẹ bà nói viết sao thì bà viết như vậy.

- Ông Võ Thành P có các lời khai về việc chuyển nhượng và nhận tiền không thống nhất, lúc thì khai chỉ đưa tiền một lần 20.000.000 đồng, khi đưa tiền ông nhìn thấy ông Trần Viết Đ đưa tiền cho ông Phạm Viết H1 rồi ông H1

đưa tiền cho cụ K1, nhưng lại cho rằng tại thời điểm đó ông không nghe nói gì về việc mua chung đất, sau này mới nghe được; lúc thì khai ông Trần Viết Đ trực tiếp đưa tiền cho cụ K1; lúc thì lại khai việc chung tiền như thế nào không rõ? và lúc thì lại khẳng định ông Trần Viết Đ có hợp đồng chuyển nhượng đất.

[4]. Về quá trình quản lý, sử dụng thửa đất:

Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, ông Phạm Viết H1 đã làm nhà trên diện tích đất nhận chuyển nhượng để sinh sống, quản lý và sử dụng đất từ thời điểm đó cho đến nay. Ngoài ra, sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông H1 còn thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 54 m^2 trong tổng diện tích đất nhận chuyển nhượng; còn ông Trần Viết Đ cho rằng ông có góp tiền để mua chung thửa đất với ông Phạm Viết H1 và có làm nhà tạm bằng tôn trên phần đất nhận chuyển nhượng, sau đó tháo dỡ đi, nhưng ông Đ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho nội dung này.

[5]. Việc mua bán, chuyển nhượng thửa đất diễn ra từ năm 2001, nhưng sau đó mấy năm, ông Trần Viết Đ lại tự ý nhờ cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 xác nhận việc góp vốn mua chung đất, với số tiền ông Đ góp vốn là 13.000.000 đồng, ông Phạm Viết H1 góp vốn là 7.000.000 đồng mà không được sự đồng ý của ông Phạm Viết H1; trường hợp, nếu có việc góp vốn để mua chung đất, thì phải là sự thỏa thuận giữa ông Phạm Viết H1 và ông Trần Viết Đ. Như vậy, Giấy nhận tiền mà ông Trần Viết Đ nhờ người chuyển nhượng đất xác nhận lại không phải là chứng cứ để chứng minh việc hai bên góp vốn để nhận chuyển nhượng chung thửa đất như ông Đ đã trình bày. Ngoài ra, ông Đ cho rằng có việc góp vốn từ năm 2001, nhưng đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp là không phù hợp với thực tế.

Do lời khai của nguyên đơn, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mâu thuẫn với nhau, mâu thuẫn với chính lời khai của mình về việc mua bán đất, nên chỉ có thể căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Bị đơn (ông Phạm Viết H1) có đầy đủ chứng cứ chứng minh việc nhận chuyển nhượng đất của mình và sau khi nhận chuyển nhượng, bị đơn quản lý, sử dụng đất ổn định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật; còn ông Trần Viết Đ chỉ có duy nhất Giấy xác nhận đề ngày 08-10-2001 của người chuyển nhượng đất, nhưng không có sự xác nhận của ông Phạm Viết H1 và không được ông H1 thừa nhận.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định ông Phạm Viết H1 là người nhận chuyển nhượng thửa đất của cụ Võ Văn K, cụ Đoàn Thị K1 và khi nhận chuyển nhượng, ông H1 là người trực tiếp đưa

tiền cho hai cụ. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, mà chỉ dựa vào nội dung tại Giấy xác nhận đề ngày 08-10-2001, lời khai không thống nhất của nguyên đơn (ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M) và lời khai không thống nhất của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Võ Thành P) làm chứng cứ để xác định giữa ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M với ông Phạm Viết H1 cùng chung nhau nhận chuyển nhượng thửa đất số 144, tờ bản đồ số 22, tại phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng của cụ Võ Văn K và cụ Đoàn Thị K1, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xác định ông Trần Viết Đ có góp 65% giá trị thửa đất là không đủ cơ sở, không đánh giá các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án một cách khách quan, toàn diện và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (ông Phạm Viết H1).

[6]. Về án phí:

[6.1]. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M do là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí. Hoàn lại cho bà Trần Thị M: 5.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008384 ngày 06/02/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003713 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[6.2]. Bị đơn ông Phạm Viết H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Phạm Viết H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 058 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ Biên lai số 0003696 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[6.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Hà Thị V số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 059 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ Biên lai số 0003694 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[6.4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ P1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 060 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ Biên lai số 0003697 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[7]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 5 Điều 343, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 10/2024/KN-DS ngày 26-4-2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2]. Sửa Bản án dân sự phúc thẩm số 152/2023/DS-PT ngày 30-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về vụ án *"Tranh chấp phân chia quyền sử dụng đất"* giữa nguyên đơn là ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M với bị đơn là ông Phạm Viết H1, cụ thể:

[2.1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M.

[2.2]. Về án phí:

[2.2.1]. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn là ông Trần Viết Đ, bà Trần Thị M do là người cao tuổi. Hoàn lại cho bà Trần Thị M: 5.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008384 ngày 06/02/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003713 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[2.2.2]. Bị đơn ông Phạm Viết H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại ông Phạm Viết H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 058 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ Biên lai số 0003696 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[2.2.3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Hà Thị V số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 059 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ Biên lai số 0003694 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[2.2.4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ P1 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 060 ngày 07/11/2023 (được chuyển từ

Biên lai số 0003697 ngày 27/4/2023) của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Trần Viết Đ và bà Trần Thị M tự nguyện chịu (đã nộp và chi xong).

[4]. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TAND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: Phòng GĐKT II và HSVA.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Quốc Cường